

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25 / 5 / 2025

“V/v Tranh chấp hôn nhân và
gia đình ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Công Đợi;
- Ông Huỳnh Mộc Khải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Loan, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 388/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29/4/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1987; địa chỉ: số C T, khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Dương Thu H, sinh năm 1992; địa chỉ: số H, ấp M, xã V, thành phố C, tỉnh An Giang.

Ông Tuấn A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bà H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Tuấn A trình bày:

Vào năm 2016, ông Nguyễn Tuấn A và bà Dương Thu H tự tìm hiểu, quen biết và tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến tháng 11/2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bà H gây nợ nần bên ngoài, ông Tuấn A phải trả nợ nên vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tiếng nói chung và bà H đã về nhà cha mẹ ở ấp M, xã V, thành phố C, tỉnh An Giang sinh sống. Ông Tuấn A cũng đã đăng báo thông báo cho bà H biết việc yêu cầu ly hôn bà H tại Tòa án thành phố C. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên yêu cầu ly hôn với bà H.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông Tuấn A và bà H có 01 (một) con chung tên Nguyễn Dương Khả D, sinh ngày 10/7/2019 hiện đang sống cùng với bà H. Ông Tuấn A đồng ý giao con chung cho bà H nuôi dạy, tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Dương Thu H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

Chủ tọa công bố lại lời khai của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập.

** Ý kiến Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu trong hồ sơ thể hiện: Ông Tuấn A và bà Hà T tìm hiểu, tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình và sống chung với nhau. Tuy nhiên, theo lời trình bày của ông Tuấn A thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến tháng 11/2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bà H gây nợ nần bên ngoài, ông Tuấn A phải trả nợ. Bên cạnh đó, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông Tuấn A và bà H sống ly thân từ tháng 11/2023 đến nay.

Đồng thời, thông qua biên bản xác minh bà H có đăng ký thường trú tại tổ H, ấp M, xã V, C, An Giang. Tuy nhiên, cả hộ của bà H đã bán nhà đi khỏi địa phương từ tháng 9/2024 cho đến nay, không rõ đi đâu làm gì. Do đó, trong quá

trình giải quyết vụ án Tòa án thụ lý giải quyết cũng đã thông báo thời gian, địa điểm giải quyết việc ly hôn của ông Tuấn A và bà H trên thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 BLTTDS năm 2015. Nhưng đến nay bà H không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của ông Tuấn A.

Từ đó cho thấy, tình cảm vợ chồng giữa ông Tuấn A và bà H đã không còn, có kéo dài cuộc hôn nhân thì mục đích hôn nhân cũng không đạt nên nguyên đơn ông Tuấn A yêu cầu ly hôn với bị đơn bà H là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Ông Tuấn A và bà H có 01 con chung tên Nguyễn Dương Khả D, sinh ngày 10/7/2019. Ông Tuấn A cho biết hiện cháu Khả D đang sống cùng bà H. Ông Tuấn A đồng ý giao con chung Khả D cho bà H tiếp tục nuôi dạy, đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng. Do đó, việc giao con chung Khả D cho bà H nuôi dạy và cấp dưỡng nuôi con chung của ông Tuấn A là tự nguyện nên xét chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: ông Tuấn A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

Đề nghị căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tuấn A được ly hôn với bà Dương Thu H; Bà H được nuôi dạy con chung tên Nguyễn Dương Khả D, sinh ngày 10/7/2019; Ghi nhận sự tự nguyện của ông Tuấn A về việc cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền:* Nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn A khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Dương Thu H, bà H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ H, ấp M, xã V, thành phố C, tỉnh An Giang. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn bà Dương Thu H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Tuấn A và bà H theo quy định tại khoản 1, các điểm a và b khoản 2 Điều 227, các khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2016, ông Nguyễn Tuấn A và bà Dương Thu H tự tìm hiểu, quen biết nhau và tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh An Giang; số 209 ngày 16/12/2016 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Ông Tuấn A cho rằng, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bà H gây nợ và ông Tuấn A phải thanh toán nợ nên giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tiếng nói chung và không còn chung sống với nhau từ tháng 11/2023 cho đến nay.

Theo kết quả xác minh ngày 11/02/2025, Công an xã V cho biết bà Dương Thu H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ H, ấp M, xã V, C, An Giang. Tuy nhiên, cả hộ của bà H đã bán nhà đi khỏi địa phương từ tháng 9/2024 cho đến nay, không rõ đi đâu làm gì.

Ngày 12, 14 và 19/3/2025, Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang cũng đã đăng Thông báo trên B để bà Dương Thu H được biết việc ông Nguyễn Tuấn A yêu cầu ly hôn và thời gian, địa điểm Tòa án tiến hành các giai đoạn tố tụng.

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình và sống chung với nhau. Vợ chồng A, H phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống chung, bà H bỏ nhà đi từ tháng 11/2023 cho đến nay không trở về; tại địa chỉ bà H cư trú thì gia đình đã bán nhà đi từ tháng 9/2024, không cho ông Tuấn A biết địa chỉ mới và cũng không liên lạc. Đồng thời, quá trình Tòa án Châu Đốc thụ lý giải quyết cũng đã thông báo thời gian giải quyết việc ly hôn của ông Nguyễn Tuấn A và bà Dương Thu H trên thông tin đại chúng nhưng đến nay bà H cũng không đến Tòa án. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa ông Tuấn A và bà H là trầm trọng, các bên không còn quan tâm và cũng không còn tình cảm đối với nhau, nếu kéo dài cuộc hôn nhân cũng không đạt được mục đích, gia đình không còn hạnh phúc nên việc ông Tuấn A yêu cầu ly hôn với bà H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Ông Nguyễn Tuấn A và bà Dương Thu H có 01 (một) con chung tên Nguyễn Dương Khả D, sinh ngày 10/7/2019.

Ông Tuấn A cho biết hiện cháu Khả D1 đang sống cùng bà H. Ông Tuấn A đồng ý giao con chung Khả Di cho bà H tiếp tục nuôi dạy, đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Hiện tại cháu Khả D đang sống cùng bà H, bà H hiện nay đã bán nhà đi khỏi địa phương, ông Tuấn A không biết địa chỉ mới. Ông Tuấn A đồng ý giao con chung Khả Di cho bà H tiếp tục nuôi dạy và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng. Xét, việc giao con chung Khả Di cho bà H nuôi dạy và cấp dưỡng nuôi con chung của ông Tuấn A là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông Nguyễn Tuấn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cháu Nguyễn Dương Khả D mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Dương Thu H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Tuấn A trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Tuấn A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Tuấn A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông Tuấn A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004177 ngày 04/11/2024. Ông Tuấn A đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Tuấn A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Dương Thu H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tuấn A.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tuấn A được ly hôn với bà Dương Thu H.

- Về con chung: Bà Dương Thu H được nuôi dạy con chung tên Nguyễn Dương Khả D, sinh ngày 10/7/2019.

Ông Nguyễn Tuấn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cháu Nguyễn Dương Khả D mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Dương Thu H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Tuấn A trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Tuấn A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông Tuấn A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004177 ngày 04/11/2024. Ông Tuấn A đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Tuấn A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Dương Thu H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Tuấn A và bà Dương Thu H là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND TPCĐ (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh AG(1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Ngọc